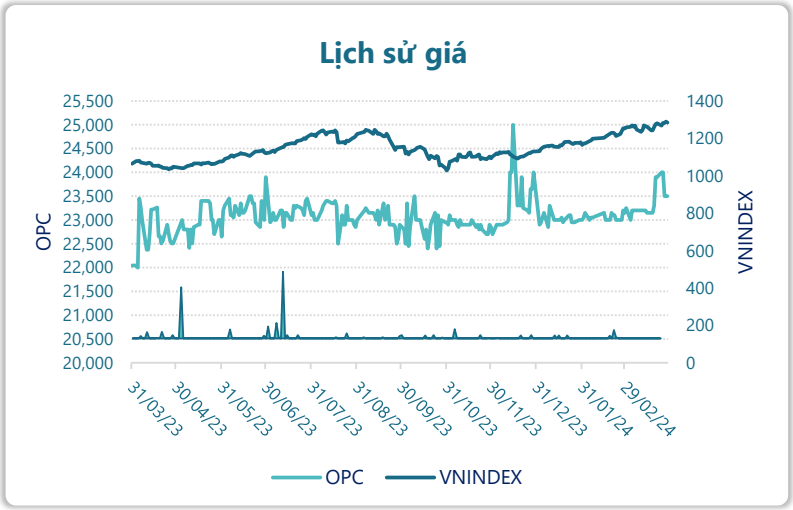
FireAnt

CTCP Dược phẩm OPC (HSX: OPC)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**23,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	21,999
SL cổ phiếu LH	64,050,892
KLGD BQ 20 phiên (CP)	164,982
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,505
P/E	12.0
EPS	1,955

DT thuần

Q1/24

221

tỷ VNĐ

QoQ: ▼102| -31.5%

YoY: ▲ 23.0| 11.7%

LN sau thuế

Q1/24

33.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.20| 37.9%

YoY: ▲ 4.30| 14.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

15.5%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

2023

1,005

tỷ VNĐ

YoY: ▼167| -14.2%

LN sau thuế

2023

122

tỷ VNĐ

YoY: ▼20.0| -14.1%

ROE

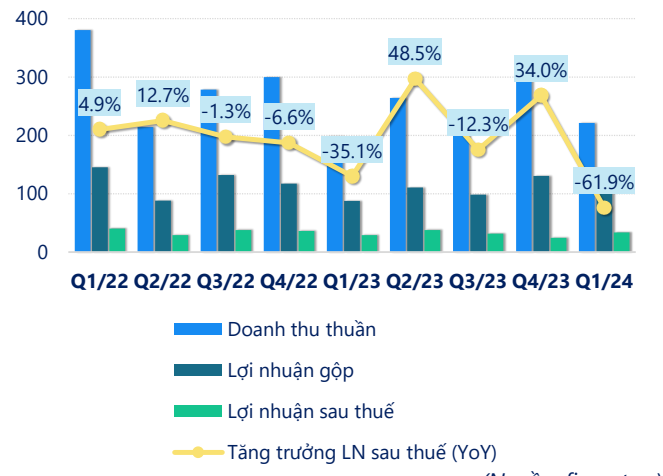
2023

13.9%

+/- YoY: ▼ 3.7%

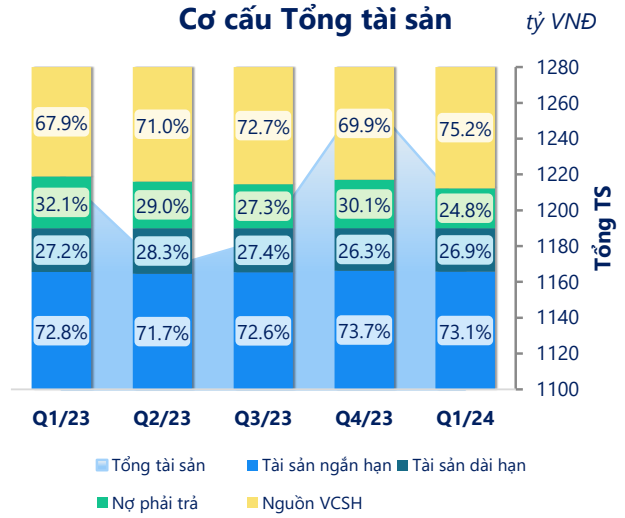
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



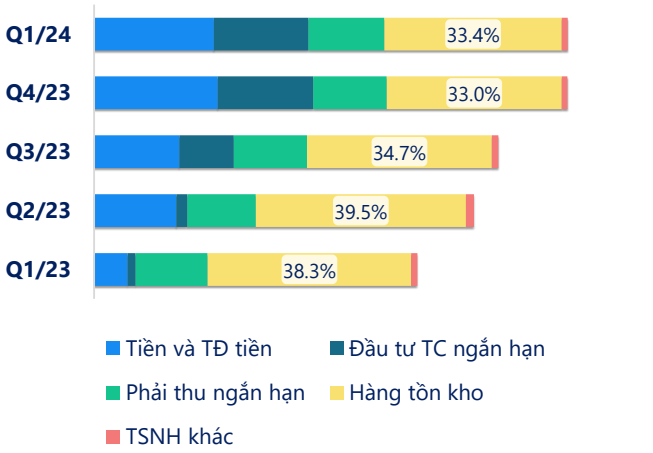
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



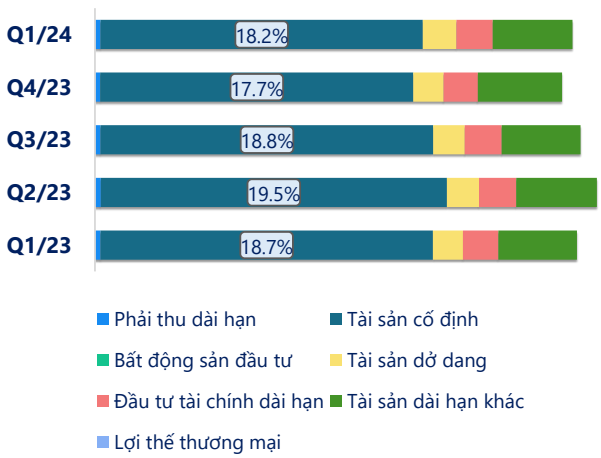
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



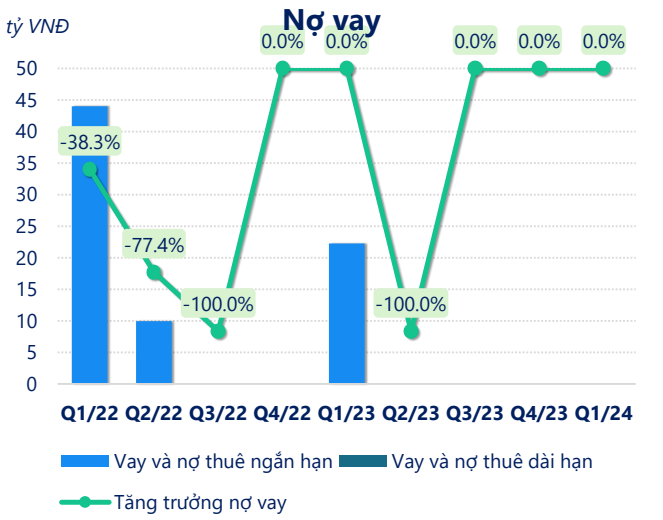
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



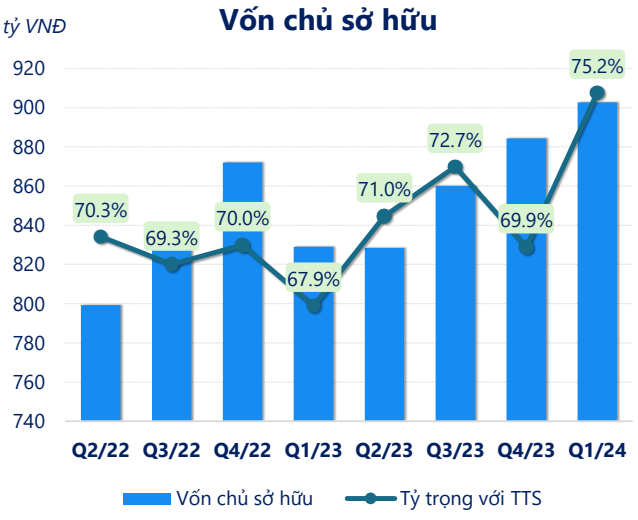
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



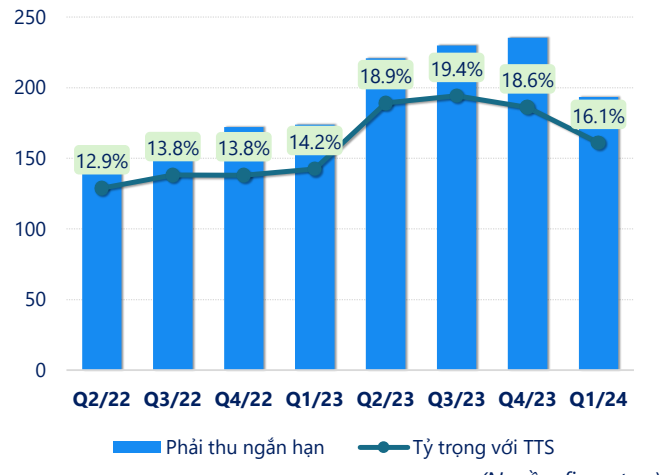
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



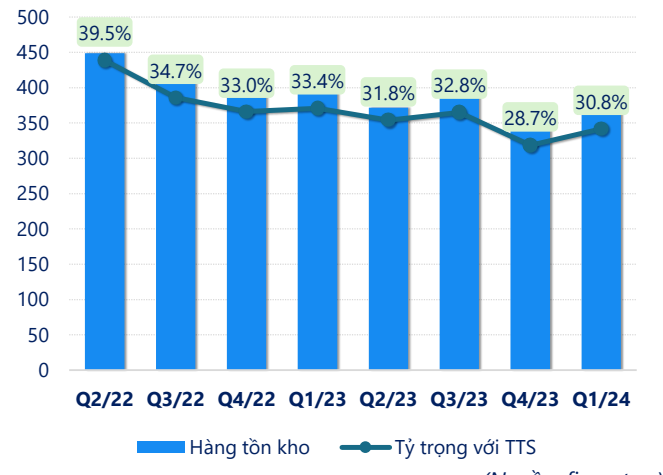
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



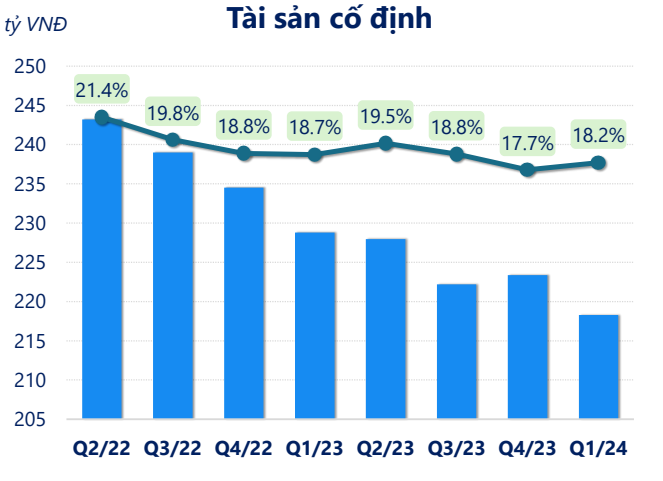
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



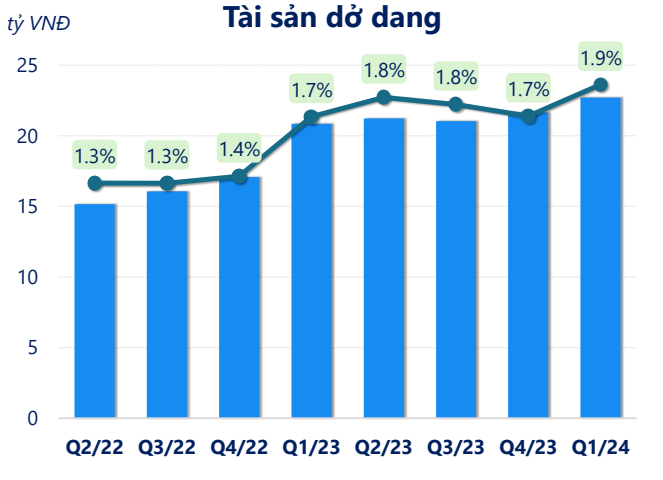
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



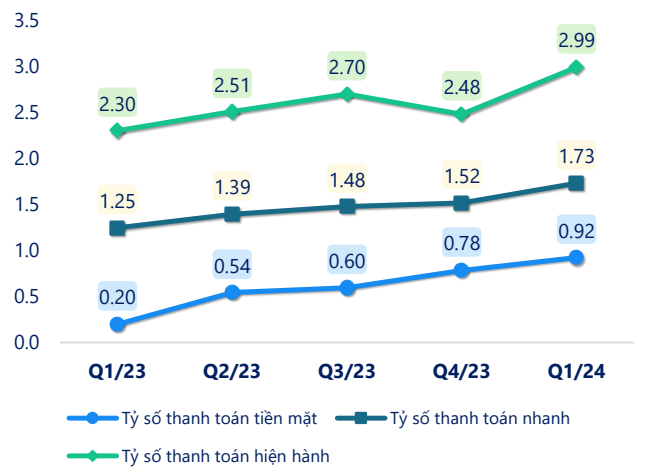
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



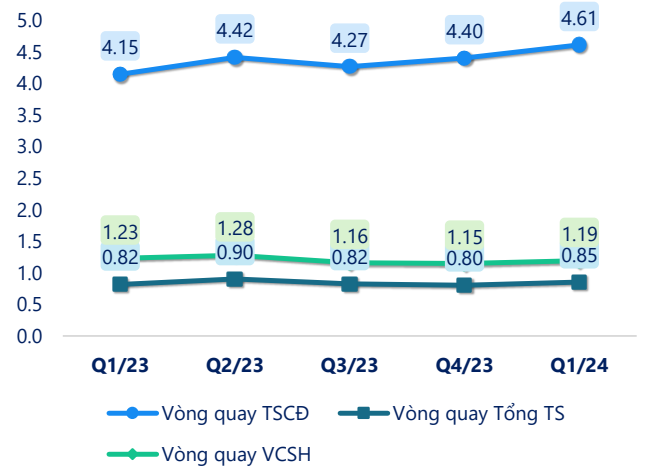
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**1,220**	**1,167**	**1,184**	**1,265**	**1,201**
Tài sản ngắn hạn	**889**	**837**	**859**	**931**	**877**
Tiền và tương đương tiền	76.5	181	190	294	271
Đầu tư tài chính ngắn hạn	217	47.9	36.0	26.8	31.6
Phải thu ngắn hạn	174	221	230	235	193
Hàng tồn kho	407	372	389	362	369
Tài sản ngắn hạn khác	13.6	15.7	15.2	12.5	12.1
Tài sản dài hạn	**332**	**330**	**324**	**333**	**324**
Phải thu dài hạn	3.79	3.79	3.79	3.79	3.79
Tài sản cố định	229	228	222	223	218
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	20.8	21.2	21.0	21.6	22.7
Đầu tư tài chính dài hạn	24.2	24.4	24.5	24.4	24.7
Tài sản dài hạn khác	54.1	53.1	52.8	60.0	54.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**391**	**339**	**324**	**380**	**298**
Nợ ngắn hạn	**386**	**333**	**318**	**375**	**293**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.3	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	33.1	32.5	28.3	43.6	33.1
Nợ dài hạn	5.34	5.29	5.21	4.91	4.81
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**829**	**828**	**860**	**884**	**903**
Vốn chủ sở hữu	**829**	**828**	**860**	**884**	**903**
Vốn điều lệ	641	641	641	641	641
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)